

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1583/2026/DS-ST

Ngày: 13/07/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Hải

2. Ông Đinh Hoàng Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà An Phương Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2026/TLST-DS ngày 02/02/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2026/QĐXXST-DS ngày 27/05/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2026/QĐST-DS ngày 18/06/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Mã số doanh nghiệp: 0100233583

Trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Viết Q Dương/ ông Võ Khắc Đ ông Nông Văn M ông Võ Thành D1, cùng địa chỉ: Tầng G, số A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản uỷ quyền số 2114/2026/UQ-VPB ngày 06/04/2026 (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H – sinh ngày 17/05/1981 (vắng mặt)

CCCD số: 079081026601 cấp ngày: 11/08/2021

Địa chỉ: 7 C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/02/2021, ông Nguyễn Việt H có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi

tất là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (Thẻ tín dụng số 325-P-1016870 phát hành ngày 04/02/2021), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 588.315.963 đồng. Ông H thanh toán cho Ngân hàng số tiền 615.349.876 đồng, trong đó: trả nợ gốc là 492.498.355 đồng, trả lãi là 112.063.583 đồng và các loại phí là 10.787.938 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn kể từ ngày 13/08/2025.

Nay, Ngân hàng yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Việt H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 13/07/2026 là 150.699.750 đồng và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi ông H thanh toán hết nợ. Ông H phải chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan (nếu có).

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông H vẫn không đến Toà làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự

Xét người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đương sự

[2.1] Về số tiền vay

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 01/02/2021, ông Nguyễn Việt H có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (Thẻ tín dụng số 325-P-1016870 phát hành ngày 04/02/2021), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 588.315.963 đồng. Ông H thanh toán cho Ngân hàng số tiền 615.349.876 đồng, trong đó: trả nợ gốc là 492.498.355 đồng, trả lãi là 112.063.583 đồng và các loại phí là 10.787.938 đồng. Tạm tính đến ngày 13/07/2026 ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là: 150.699.750 đồng, trong đó: nợ gốc là 95.817.608 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.081.785 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.800.357 đồng.

Xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án để làm rõ số tiền hiện bị đơn còn nợ và số tiền đã thanh toán, Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Toà để trình bày ý kiến của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, việc nguyên đơn tự nguyện khai báo về số tiền mà bị đơn đã thanh toán cũng như số tiền hiện còn nợ là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất:

Xét thấy, tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/02/2021, Bản điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Biểu phí phát hành, sử dụng và biểu lãi suất thẻ tín dụng tại V1 thì giữa Ngân hàng với ông H có thỏa thuận lãi suất cho vay là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, ông H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo như thoả thuận trong hợp

đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Việt H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/07/2026 là: 150.699.750 đồng (*một trăm năm mươi triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng*), trong đó: nợ gốc là 95.817.608 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.081.785 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.800.357 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (Thẻ tín dụng số 325-P-1016870 phát hành ngày 04/02/2021).

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.534.988 đồng

(bảy triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi tám đồng) và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

H1 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.044.429 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0055761 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Việt H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Về thi hành án:

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- TAND Tp HCM;
- THADS khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân